TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN 4** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 127/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/05/2022
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Thư ký tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 04/05/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2021 về việc *"Ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/04/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông N.T.T, sinh năm 1983. Thường trú số 59/6D, ấp T.L 1, xã B.Đ, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú số 500, ấp T.P, xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T(có mặt).

2. Bị đơn: Bà H.T.N.Q, sinh năm 1982. Thường trú số 59/6D, ấp T.L 1, xã B.Đ, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú số 368/60, đường T.Đ, phường X, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ông N.T.T trình bày

1.1 Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2020, bản tự khai ngày 01/12/2021, biên bản hòa giải ngày 14/04/2022: Ông và bà H.T.N.Q đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01, ngày 12/02/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T. Ông và bà H.T.N.Q chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc, do không hợp tính cách, quan điểm và lối sống. Mặc dù, Ông và bà H.T.N.Q đã hết sức cố gắng để khắc phục những khiếm khuyết nhưng vẫn

không đạt được hiệu quả. Nay ông xác định tình vợ – chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết: (i) Ông được ly hôn bà H.T.N.Q. (ii) Ông và bà H.T.N.Q có con N.H.T sinh ngày 28/04/2011 và N.H.P sinh ngày 20/05/2013, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu bà H.T.N.Q cấp dưỡng nuôi con. (iii) Về tài sản có chung, nợ chung ông xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2 Tại phiên tòa: Ông N.T.T vẫn giữ nguyên các yêu cầu.

2. Bà H.T.N.Q trình bày

1.1 **T**ại biên bản hòa giải ngày 14/04/2022: (i) Bà không đồng ý ly hôn. (ii) Bà đồng ý ly hôn khi ông N.T.T giao cho bà nuôi dưỡng nuôi N.H.T và N.H.P, bà không yêu cầu ông N.T.T cấp dưỡng nuôi con. (iii) Về tài sản có chung, nợ chung bà xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2 Tại phiên tòa: Bà H.T.N.Q vẫn giữ nguyên các yêu cầu.

3. N.H.T và N.H.P trình bày tại bản tự khai ngày 04/11/2020 về nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì N.H.T và N.H.P đều có nguyện vọng được ở với cha.

4. Các văn bản có liên quan

4.1 Văn bản của Trường Tiểu học T.H 1, xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T ngày 29/07/2020 xác nhận: (i) N.H.T sinh ngày 28/04/2011 là học sinh lớp 3/4 Trường Tiểu học T.H 1. (ii) N.H.P sinh ngày 20/05/2013 là học sinh lớp 1/4 Trường Tiểu học T.H 1.

4.2 Xác nhận của Công an xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T ngày 15/04/2020: Ông N.T.T đang nuôi dưỡng N.H.T sinh ngày 28/04/2011 và N.H.P sinh ngày 20/05/2013 tại số 500, ấp T.P, xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T.

4.3 Giấy xác nhận thu nhập 03 tháng liền kề của công ty TNHH cá viên Đ.V ngày 23/03/2022 đối với ông N.T.T là 39.000.000 đồng/tháng.

4.4 Giấy xác nhận thu nhập 03 tháng liền kề của công ty TNHH K.B ngày 04/03/2022 đối với bà H.T.N.Q là 23.700.000 đồng/tháng.

4.5 Giấy xác nhận thu nhập 03 tháng liền kề của công ty TNHH thương mại xây dựng L.G.P ngày 07/03/2022 đối với bà H.T.N.Q là 8.000.000 đồng/tháng.

4.6 Tại văn bản ngày 02/03/2022, bà H.T.N.Q và ông N.T.T đề nghị Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh không xác minh tại nơi cư trú có nội dung *"Không ai nắm rõ tình trạng hôn nhân của chúng tôi bằng chính chúng tôi. Chúng tôi đã trình bày nguyên nhân mâu thuẫn tình trạng hôn nhân của chúng tôi cho tòa án, thiết nghĩ đã đủ làm cơ sở xem xét yêu cầu ly hôn của chúng tôi. Do đó, việc xác minh tại nơi cư trú là không cần thiết"*.

5. Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/03/2022, ông N.T.T và bà H.T.N.Q không bổ sung yêu cầu, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu tòa án thu thập thêm chứng cứ và triệu tập thêm những người tham gia tố tụng.

6. Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà.

6.1 Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật.

6.2 Về nội dung: (i) Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.T.T. (ii) Giao con N.H.T cho ông N.T.T nuôi dưỡng, giao con N.H.P cho bà H.T.N.Q nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

I. Về tố tụng

Bà H.T.N.Q, tạm trú số 368/60, đường T.Đ, phường X, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điều 28 khoản 1, điều 35, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

II. Về nội dung

1. Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2020, bản tự khai ngày 01/12/2021, biên bản hòa giải ngày 14/04/2022, ông N.T.T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn bà H.T.N.Q. Ly hôn là một trong những quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ theo quy định tại điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn..."*. Do vậy, yêu cầu của ông N.T.T ly hôn với bà H.T.N.Q được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Xét yêu cầu của ông N.T.T và bà H.T.N.Q được trực tiếp nuôi con N.H.T và N.H.P, hội đồng xét xử nhận thấy: Điều 81 khoản 2 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Như vậy:

2.1 Xét quyền lợi về mọi mặt của con:

Thứ nhất: Văn bản của Trường Tiểu học T.H 1, xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T ngày 29/07/2020 xác nhận: (i) N.H.T sinh ngày 28/04/2011 là học sinh lớp 3/4 Trường Tiểu học T.H 1. (ii) N.H.P sinh ngày 20/05/2013 là học sinh lớp 1/4 Trường Tiểu học T.H 1.

Thứ hai: Xác nhận của Công an xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T ngày 15/04/2020: Ông N.T.T đang nuôi dưỡng N.H.T sinh ngày 28/04/2011 và N.H.P sinh ngày 20/05/2013 tại số 500, ấp T.P, xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T.

Thứ ba: Giấy xác nhận thu nhập 03 tháng liền kề của công ty TNHH cá viên Đất Việt ngày 23/03/2022 đối với ông N.T.T là 39.000.000 đồng/tháng. Bên cạnh đó, thu nhập của bà H.T.N.Q của công ty TNHH Khôi Bằng là 23.700.000 đồng/tháng, của công ty TNHH thương mại xây dựng Lê Gia Phú là 8.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 31.700.000 đồng/tháng.

2.2 Xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên: Tại bản tự khai ngày 04/11/2020 về nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì N.H.T và N.H.P đều có nguyện vọng được ở với cha.

Từ những căn cứ trên, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N.T.T được trực tiếp nuôi dưỡng N.H.T và N.H.P và ghi nhận việc ông N.T.T không yêu cầu bà H.T.N.Q cấp dưỡng nuôi con. Không chấp nhận yêu cầu của bà H.T.N.Q được trực tiếp nuôi dưỡng N.H.T và N.H.P.

3. Về tài sản có chung, nợ chung ông N.T.T và bà H.T.N.Q xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông N.T.T phải nộp.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử căn cứ:

Một: Điều 103 khoản 2 Hiến Pháp năm 2013 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm".*

Hai: Điều 12 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử vụ án dân sự, Thẩm phán giải quyết việc dân sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, việc giải quyết việc dân sự của Thẩm phán dưới bất kỳ hình thức nào".*

Ba: Điều 9 Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật".*

Bốn: Điều 3 Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán Việt Nam số 87/QĐ-HĐTC do Hội đồng tuyển chọn giám sát thẩm phán quốc gia ban hành ngày 04/07/2018 quy định *"Trong quá trình giải quyết vụ việc, Thẩm phán tự quyết định trên cơ sở đánh giá của mình về tình tiết vụ việc, chứng cứ và chỉ tuân theo pháp luật; giữ gìn bản lĩnh nghề nghiệp để không bị tác động từ bất kỳ*

sự can thiệp nào. Thẩm phán phải độc lập với các thành viên của hội đồng xét xử, độc lập với những người tiến hành tố tụng khác, độc lập với các yếu tố tác động từ bên trong nội bộ và bên ngoài tòa án".

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 28 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 51 khoản 1, điều 56, 58, điều 81 khoản 2, điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.1 Ông N.T.T được ly hôn bà H.T.N.Q (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01, ngày 12/02/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T).

1.2 Ông N.T.T được trực tiếp nuôi con N.H.T sinh ngày 28/04/2011 và N.H.P sinh ngày 20/05/2013, ghi nhận việc ông N.T.T không yêu cầu bà H.T.N.Q cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm, chăm, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có căn cứ quy định tại điều 84 khoản 2 điểm b Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trên cơ sở lợi ích của con, người thân thích có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.3 Về tài sản có chung, nợ chung ông N.T.T và bà H.T.N.Q xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Áp dụng điều 147 khoản 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Ông N.T.T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0076589 ngày 28/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông N.T.T, bà H.T.N.Q được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND TPHCM

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mẫu số 52-DS

- VKSNDQ4
- THADSQ4
- UBND xã T.H
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Quang Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

I. Vaøo hồi 10 giờ ngày 04/05/2022, taïi phoøng nghò aùn toøa aùn nhaân daân quaän 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vôùi thaønh phaàn hoäi ñoàng xeùt xöû sô thaåm goàm:

1. Ông Nguyễn Quang Hiền – Thẩm phán chủ tọa phiên toà

2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt - Hội thẩm nhân dân

3. Bà Lê Thị Kim Lệ - Hội thẩm nhân dân

Tieán haønh nghò aùn ñoái vôùi vuï aùn dân sự thụ lý số số 231/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2021 về việc *"Ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/04/2022.

II. Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, hội đồng xét xử thaûo luaän và bieåu quyeát 3/3 thoáng nhaát quyeát ñònh những vaán ñeà sau:

1. Áp dụng điều 28 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 51 khoản 1, điều 56, 58, điều 81 khoản 2, điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.1 Ông N.T.T được ly hôn bà H.T.N.Q (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01, ngày 12/02/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đ.T).

1.2 Ông N.T.T được trực tiếp nuôi con N.H.T sinh ngày 28/04/2011 và N.H.P sinh ngày 20/05/2013, ghi nhận việc ông N.T.T không yêu cầu bà H.T.N.Q cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm, chăm, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có căn cứ quy định tại điều 84 khoản 2 điểm b Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trên cơ sở lợi ích của con, người thân thích có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.3 Về tài sản có chung, nợ chung ông N.T.T và bà H.T.N.Q xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Áp dụng điều 147 khoản 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Ông N.T.T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0076589 ngày 28/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông N.T.T, bà H.T.N.Q được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật. Kết quả bieåu quyeát 3/3.

Bieân baûn nghò aùn keát thuùc cùng ngaøy, caùc thaønh vieân trong hoäi ñoàng xeùt ñaõ ñoïc laïi bieân baûn vaø kyù teân.